

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/DSST
Ngày: 16-01-2018
*V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hụi*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trang Thị Cẩm Nhuận;**
2. Bà **Nguyễn Thị Kiều Diễm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liêng Thị Kim Ngân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2017/TLST-DS, ngày 15 tháng 11 năm 2017; về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/QĐXXST-DS, ngày 29/12/2017, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Trần Văn M**, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp P, xã Q, huyện T1, tỉnh Trà Vinh.

Tạm trú: ấp E, xã F, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/11/2017, trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Trần Văn M trình bày:

Vào ngày 10/3/2014 AL ông có tham gia góp hụi do chị Nguyễn Thị T làm đầu thảo (chủ hụi), hai bên thỏa thuận với nội dung và hình thức như sau:

Loại hụi 2.000.000 đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có làm văn bản, đầu thảo có giao danh sách hụi viên cho ông. Trong đây hụi có 17 người tham gia (17 phần); Kỳ mở hụi đầu tiên vào ngày 10/3/2014 (AL) khai theo vụ lúa; Huê hồng đầu thảo hưởng 1.000.000đ/lần hốt. Ông tham gia 1 phần. Từ lần khai thứ 1 đến lần khai thứ 7 ông đóng hụi sống cho chị T đầy đủ, còn ngày, tháng, năm khai hụi thì ông không nhớ, cụ thể từng lần như sau: Lần thứ 1: Mẹ chị T bỏ thăm kê 800.000 đồng, ông đóng hụi sống bằng 1.200.000 đồng; Lần thứ 2: Chín S bỏ thăm kê 900.000 đồng, ông đóng hụi sống bằng 1.100.000 đồng; Lần thứ 3: Năm N bỏ thăm kê 900.000 đồng, ông đóng hụi sống bằng 1.100.000 đồng; Lần thứ 4: Hai N bỏ thăm kê 800.000 đồng, ông đóng hụi sống bằng 1.200.000 đồng; Lần thứ 5: Anh T bỏ thăm kê 850.000 đồng, ông đóng hụi sống bằng 1.150.000 đồng; Lần thứ 6: Chị T (đầu thảo) bỏ thăm kê 850.000 đồng, ông đóng hụi sống bằng 1.150.000 đồng; Lần thứ 7: Cô Tư K bỏ thăm kê 800.000 đồng, ông đóng hụi sống bằng 1.200.000 đồng, tổng cộng ông đóng 07 lần hụi sống bằng 8.100.000 đồng. Nay ông yêu cầu chị Nguyễn Thị T trả cho ông 07 lần tiền hụi sống bằng 8.100.000 đồng (loại hụi 2.000.000 đồng mở ngày 10/3/2014 AL), ông không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/12/2017 của bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị có mở đây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, ngày 10/3/2014 AL khai theo vụ lúa, gồm có 17 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 1.000.000 đồng/ lần hốt, sau khi khai hụi chị có trách nhiệm gom tiền hụi của các hụi viên giao cho người trúng thăm hốt hụi, trong đây hụi này ông M có tham gia 01 phần, hụi khai đến lần thứ 7 thì chị tuyên bố úy hụi và ông M đóng hụi sống 07 lần 8.100.000 đồng, những lần khai hụi chị không nhớ ngày, tháng, năm. Nay chị đồng ý trả cho ông M 07 lần hụi sống bằng 8.100.000 đồng, yêu cầu không tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn M có cung cấp cho Tòa án 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 sổ hộ khẩu gia đình mang tên Trần Văn M (bản photo chứng thực); 01 danh sách hụi viên loại hụi 2.000.000 đồng (bản photo); Bị đơn chị Nguyễn Thị T không có cung cấp chứng cứ.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất: Bị đơn chị Nguyễn Thị T đồng ý trả cho ông Trần Văn M 07 lần hụi sống bằng 8.100.000 đồng, (Loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 10/3/2014 AL). Ông Trần Văn M không yêu cầu tính lãi.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Không có.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị T trả cho ông Trần Văn M 07 lần hụi

sống bằng 8.100.000 đồng (Loại hui 2.000.000 đồng, mở ngày 10/3/2014 AL), do ông M không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn chị Nguyễn Thị T đang tạm trú tại ấp E, xã F, huyện Tiểu Cần, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung*: Ông Trần Văn M khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho ông 07 lần hui sống bằng 8.100.000 đồng (Loại hui 2.000.000 đồng, mở ngày 10/3/2014 AL), không yêu cầu tính lãi. Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2017 chị Nguyễn Thị T thừa nhận có làm chủ đầu thảo loại hui 2.000.000 đồng, mở ngày 10/3/2014 AL có ông Trần Văn M tham gia 01 phần, hui đã khai đến lần thứ 7 thì chị tuyên bố úp hui và ông M đã đóng 07 lần hui sống bằng 8.100.000 đồng chị đồng ý trả cho ông M bằng 8.100.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do ông M không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn ông Trần Văn M không phải chịu án phí.

[4] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26 khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M yêu cầu chị Nguyễn Thị T hoàn trả tiền hụi sống đã đóng 07 lần bằng 8.100.000 đồng (Loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 10/3/2014 AL). Ông M không yêu cầu tính lãi.

Buộc chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Văn M 07 lần hụi sống bằng 8.100.000 đồng (Loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 10/3/2014 AL). Ông M không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu 405.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Trần Văn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 210.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011791 ngày 15-11-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cho ông Trần Văn M.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Châm

